

Phụ lục III

KẾ HOẠCH CHUYỂN MỤC ĐÍCH SỬ DỤNG ĐẤT NĂM 2024 CỦA THỊ XÃ BUÔN HỒ, TỈNH ĐẮK LẮK

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày / /2024 của UBND tỉnh)

Đơn vị tính: ha

STT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Tổng diện tích (ha)	Diện tích phân theo đơn vị hành chính											
				Phường An Bình	Phường An Lạc	Phường Bình Tân	Phường Đạt Hiếu	Phường Đoàn Kết	Phường Thiện An	Phường Thống Nhất	Xã Bình Thuận	Xã Cư Bao	Xã Ea Blang	Xã Ea Drông	Xã Ea Siên
(1)	(2)	(3)	(4)=(5)+(16)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)
1	Đất nông nghiệp chuyển sang phi nông nghiệp	NNP/PNN	152,42	12,68	26,02	18,80	8,60	15,98	18,53	3,92	2,99	10,08	7,35	7,32	20,15
1.1	Đất trồng lúa	LUA/PNN	0,06	-	-	0,03	-	-	-	-	-	0,03	-	-	-
T. đỏ	Đất chuyên trồng lúa nước	LUC/PNN	0,06	-	-	0,03	-	-	-	-	-	0,03	-	-	-
1.2	Đất trồng cây hàng năm khác	HNK/PNN	13,49	0,92	2,05	0,70	0,80	0,50	0,73	0,49	0,42	0,62	1,00	0,71	4,55
1.3	Đất trồng cây lâu năm	CLN/PNN	138,27	11,76	23,97	18,07	7,80	15,48	17,80	2,83	2,57	9,43	6,35	6,61	15,60
1.4	Đất nuôi trồng thủy sản	NTS/PNN	0,60	-	-	-	-	-	-	0,60	-	-	-	-	-
2	Đất phi nông nghiệp không phải là đất ở chuyển sang đất ở	PKO/OCT	2,26	1,04	0,33	-	0,30	-	0,27	0,32	-	-	-	-	-